

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 46

CHƯƠNG II: KIẾT UẨN (4 Phẩm)

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ BẤT THIÊN

LUẬN VỀ BẤT THIÊN (Phần 1)

Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, chương như vậy và giải thích về nghĩa của chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần giải thích rộng ra. Ba kiết.. này, đều là trong kinh đã nói, chỉ trừ ra năm kiết và chín tám tùy miên. Trong này, cần phải trừ ra hai luận như vậy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tất cả A tỳ Đạt Ma đều giải thích trong kinh, nhưng hai luận này đã không phải là trong kinh đã nói, cho nên phải trừ ra. Vì vậy, tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Tất cả A Tỳ Đạt Ma đều là giải thích về kinh, dựa vào kinh như vậy, như vậy soạn ra luận như vậy. Như vậy đều gì không phải là kinh nói thì đều cần phải trừ ra. “Có nên nói: Hai luận này không nên trừ ra. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì hai vấn đề ấy cũng là trong kinh nói ra, nghĩa là ở kinh Tăng Nhất A Kiệp Ma (Tăng Nhất A Hàm), trong năm pháp nói về năm kiết, trong chín mươi tám pháp nói về chín tùy miên, trải qua thời gian lâu dài mà cũng thất lạc, luận sư của bản luận này dùng lực của nguyện trí, quán sát nhớ lại, từ đây kể lại mà giải thích về kinh ấy. Có người nói: Hai luận này tuy không phải là trong kinh nói, nhưng không nên trừ ra.

Hỏi: Năm kiết đã không phải là do kinh nói ra, tại sao không loại bỏ?

Đáp: Các luận đều tùy theo ý thích của tác giả, không trái với pháp tướng, muốn soạn ra thì cứ soạn ra. Nghĩa là ở trong luận này mới kiết biến hành không phải là kiết biến hành, biến hành không phải là kiết biến hành. Nói kiết biến hành là như ba kiết, nói không phải là kiết biến hành thì năm kiết, nói biến hành không phải là kiết biến hành thì

như chín kiết. Vì vậy, năm kiết tuy không phải là trong kinh nói, nhưng mà không nên loại bỏ.

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên đã không phải là trong kinh nói, tại sao không loại bỏ?

Đáp: A-tỳ-đạt-ma đều là giải thích bảy loại tùy miên trong kinh, là do kinh đã nói, nay người soạn luận mở rộng theo hành tướng giới bộ sai biệt mà phân biệt về vấn đề đó, cho nên luận này cũng không cần phải loại bỏ.

Hỏi: Vì sao ở luận này trước phải lập ra chương mục?

Đáp: Bởi vì muốn biểu hiện rõ ràng ý nghĩa của các môn, nếu không lập ra chương, môn thì nghĩa không biết do đâu mà được hiểu bày. Như người vẽ bức tranh thì không thể nào vẽ tranh giữa hư không. Lại nữa, vì muốn làm cho luận này tồn tại lâu dài giữa đời, nghĩa là trong luận này tuy khéo lập ra các chương môn phẩm phần luận về các uẩn mà trong hành trăm, hàng ngàn chúng mới có người có năng lực tụng trì đầy đủ, hướng hồ không khéo thiết lập thì ai sẽ có năng lực tụng trì đầy đủ, hướng hồ không khéo thiết lập thì ai sẽ có năng lực tụng trì được câu văn tạp loạn như vậy? Nếu có người tụng trì thì kinh luận sẽ nhanh chóng mất đi. Lại nữa, nếu không thiết lập chương mục thì trống rỗng không có gì để hỏi, bởi vì cần phải có nơi y cứ đưa ra câu hỏi.

Hỏi: Vì sao luận giả dựa vào kinh để thiết lập chương mục?

Đáp: Các luận đã soạn ra đều là giải thích về kinh, bởi vì trong các kinh vốn có các loại nghĩa lý không giống nhau, nay luận này giải thích thiết lập và tạp uẩn, cho đến nghĩa về, kiến về thiết lập là kiến uẩn, nhưng mỗi nên uẩn có đủ tất cả các nghĩa. Lại nữa, bởi vì hiển bày vô lượng nghĩa trong kinh, không giống như ngoại điển thì văn nhiều mà nghĩa ít, hoặc là hoàn toàn vô nghĩa. Như sách La-ma-diễn-noa có nên hai vạn hai ngàn bài tụng, chỉ trình bày về hai sự việc:

1. Trình bày về La-phật-noa và Kiếp-tư-đa-khứ.

2. Trình bày về La-ma tướng và Tư-đa-la. Kinh Phật thì không như vậy, hoặc là nghĩa đều vô lượng vô biên. Vô lượng là bởi vì nghĩa khó suy lường, vô biên là bởi vì căn khó biết được. Ví như biển rộng vô lượng, vô biên, vô lượng là sâu thẳm, vô biên và rộng lớn. Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày trong kinh chịu được vấn nạn, không giống như ngoại điển không chịu được vấn nạn, nếu lúc vấn nạn thì càng thêm vô nghĩa, như con khỉ con không chịu nổi va đập, nếu lúc bị va đập thì sẽ thất kinh mà phóng uế dơ bẩn. Kinh Phật thì không như vậy, có thể chịu được vấn nạn, nếu lúc vấn nạn thì phát sinh sắc tướng của giới thanh tịnh tiếp xúc

với thiện căn vi diệu, như áo dày nhiều lớp sản xuất ở vùng Bà-la-ni-tư có thể chịu được va đập, nếu lúc va đập thì phát ra màu sắc tươi sáng sạch sẽ và chạm vào thật tuyệt vời hơn hẳn. Lại nữa, bởi vì muốn hiểu bày trong kinh phát ra thì tuyệt diệu. Nghĩa là có ba sự việc che kín thì đẹp, mở ra thì không đẹp.

1. Người ngu.
2. Người nữ.
3. Sách luận của ngoại đạo.

Lại có ba sự việc mở ra thì đẹp, che kín thì không đẹp:

1. Người trí.
2. Mặt trăng và mặt trời.
3. Kinh luận của pháp luật.

Lại nữa, bởi vì muốn hiểu bày trong kinh có thể suy xét chọn lựa, không giống như ngoại điển không có thể suy xét chọn lựa, nếu lúc suy xét chọn lựa thì có thể làm cho mắt tuệ của hữu tình bị tổn hại giảm sút, như người nhìn mặt trời làm tổn hại giảm sút đến nhãn căn. Pháp Phật thì không như vậy, mà có thể tùy ý suy xét chọn lựa, nếu lúc suy xét chọn lựa thì mắt tuệ càng thêm lợi ích, như người nhìn mặt trăng thì nhãn căn được tăng trưởng.

Hỏi: Vì sao ở luận này trước phải thiết lập chương mục, sau mới đưa ra câu hỏi?

Đáp: Bởi vì như phương pháp làm nhà. Như muốn làm nhà thì trước phải xây móng đắp nền, sau mới kết cấu hoàn tất. Như vậy, Tôn Giả muốn làm ngôi nhà giáo pháp như xây móng đắp nền, cho nên trước phải thiết lập chương mục, như pháp kết cấu hoàn tất pháp, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, như phương pháp trồng cây, như muốn trồng cây thì trước phải lo liệu đất đai, rồi sau đó mới gieo trồng. Như vậy, Tôn giả muốn trồng cây giáo pháp, như phương pháp lo liệu đất đai, cho nên trước phải thiết lập chương mục; như phương pháp gieo trồng, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, như phương pháp kết vòng hoa; như muốn kết vòng hoa thì trước phải khâu chỉ luôn rồi sau mới kết vòng hoa. Như vậy Tôn giả muốn kết vòng hoa như phương pháp khâu chỉ luôn kim, cho nên trước phải thiết lập chương mục; như phương pháp kết vòng hoa, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, như phương pháp vẽ bức tranh; như muốn vẽ bức tranh thì chắc chắn trước phải đưa ra mô hình, sau mới bổ sung các loại màu sắc. Như vậy, Tôn giả muốn vẽ cảnh tượng giáo pháp, như phương pháp đưa ra mô hình, cho nên trước phải thiết lập chương mục; như phương pháp bổ

sung màu sắc, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, như phương pháp chạm trở; như muốn chạm trở thì chắc chắn trước phải đưa ra phác thảo, sau mới chạm trở chi tiết vật thể. Như vậy, Tôn giả muốn chạm trở hình tượng giáo pháp, như phương pháp đưa ra phác thảo, cho nên trước phải thiết lập chương mục; như phương pháp chạm trở chi tiết vật thể, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, như phương pháp thực hành quán; như Sư du già trước phải thiết lập Đại Chung và sắc sở tạo, sau mới dùng cực vi để phân tích sát-na Tôn giả cũng như vậy, như thiết lập Đại chung và sắc sở đạo, cho nên trước phải thiết lập chương mục; như dùng cực vi để phân tích sát-na, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, như Đức Phật thuyết pháp thì trước là nêu ra, sau là giải thích. Nghĩa là trước nêu ra nói về sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý cận hành và bốn y xứ, nói tên gọi là hữu tình; sau tiếp tục giải thích rằng: Như vậy gọi là sáu giới; cho đến như vậy gọi là bốn ý xứ. Tôn giả cũng như vậy, như phương pháp trước là nêu ra, cho nên trước phải thiết lập chương mục; như phương pháp sau là giải thích, cho nên sau mới soạn ra môn phần. Lại nữa, muốn nêu rõ hai loại pháp thiện xảo, nghĩa là trước phải thiết lập chương mục, nêu rõ thiện xảo đối với nghĩa; sau mới soạn ra môn phần, nêu rõ thiện xảo đối với văn. Như nghĩa thiện xảo, văn thiện xảo, nên biết nghĩa lực, nghĩa vô ngại giải. Pháp vô ngại giải, nghĩa vô ngại giải cứu cánh, pháp vô ngại giải cứu cánh, cũng như vậy. Lại nữa, bởi vì biểu hiện trí kiến của mình không có gì lầm lẫn lộn xộn, nghĩa là nếu trí kiến có sự lầm lẫn lộn xộn, thì luận do mình soạn ra đó cũng còn lầm lẫn, lộn xộn, không thể nào thiết lập chương môn, phẩm luận về uẩn, nếu trí ấy không có gì lầm lẫn lộn xộn, thì luận đã soạn ra ấy cũng không lầm lẫn, lộn xộn, có thể dễ dàng thiết lập chương môn, phẩm luận về uẩn. Tôn giả biểu hiện trí kiến của mình không sai lầm gì, cho nên trước phải thiết lập chương mục, sau mới soạn ra môn phần.

Hỏi: Vì sao thiết lập chương mục thì trước dựa vào ba kiết, sau đó cho đến dựa vào chín mươi tám tùy miên? Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy. Nghĩa là người soạn luận thuận theo ý muốn của mình mà soạn ra luận này, bởi vì không trái với pháp tướng cho nên không cần phải vặn hỏi.

Hiếp Tôn giả nói: “Tất cả sinh nghi ngờ cho rằng nếu trước tiên nói về ba căn bất thiện, hoặc thậm chí trước tiên nói về chín mươi tám tùy miên, thì cũng đều có nghi ngờ. Vì sao thiết lập chương mục thì trước phải dựa vào ba kiết? Nhưng những gì đã nói không trái với pháp tướng, cho nên hoặc là trước hau sau đều không có gì sai lầm.”

Lại có những nói: A tỳ đạt ma thuận htheo tướng để cầu không đạt, không cần phải vặn hỏi về thứ tự trước sau của vấn đề ấy, hoặc có người nói: Trong này cũng có thể tùy theo nên ít nhân duyên để giải thích về thứ tự ấy. Nhưng nghĩa lý của a tỳ đạt ma sâu rộng hết sức, nếu tiếp tục giải thích về thứ tự ấy, nhưng nghĩa lý của phức tạp lộn xộn, khó có thể thọ trì cho nên không giải thích nữa.

Có người đưa ra cách nói như vậy: Trong này muốn hiểu bày về pháp dần dần, tăng lên, nghĩa là trước hết nói về ba, sau là bốn. Tiếp đến năm, cho đến cuối cùng nói là chín mươi tám. Lại nữa, bởi vì hiển bày cây phiền não dần dần tăng trưởng, cho nên trước nói về ba thiết, cho đến sau cuối nói về chín mươi tám tùy niên.

Có sư khác nói: Bởi vì muốn hiển bày đoạn trừ phiền não dần dần chứng được quả sa môn. Nghĩa là đoạn trừ ba kiết, chứng thực được quả thứ nhất, vì vậy trước tiên nói về ba căn bất thiện; đoạn trừ dục lậu gấp bội, đạt được quả thứ hai, ngay nơi ấy đoạn trừ sạch sẽ, đạt được quả thứ ba, cho nên nói tiếp theo; đoạn trừ hai lậu còn lại, đạt được quả thứ tư, cho nên nói sau cùng Bộc; ưu ách thủ thân hệ cái... không có đoạn, chứng riêng biệt, đều trở lại biểu hiện rõ ràng về ba lậu mà nói. Vì vậy trong này trước là nói về ba thiết, cho đến sau cuối là nói về chín mươi tám tùy niên.

Có ba thiết, đó là kiết hữu thân kiến, kiết giới cấm thủ và kiết nghi.

Hỏi: Ba kiết này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy hai mươi một sự việc để làm tự tánh. Nghĩa là kiết hữu thân kiến thuộc ba cõi do kiến khổ mà đoạn có ba sự việc, kiết giới cấm thủ thuộc ba cõi do kiến khổ, đạo mà đoạn có sáu sự việc, kiết nghi thuộc ba cõi do kiến khổ, tập diệt đạo mà đoạn có mười hai sự việc. Hai mươi một sự việc này là tự tánh của ba kiết, là bản tánh tự thể, tướng phần của ngã và chúng sinh.

Đã nói về tự tánh, về nguyên cơ nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là kiết, kiết có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa về ràng buộc là nghĩa của kiết, nghĩa về hợp với khổ là nghĩa của kiết, nghĩa về lẫn lộn chất độc là nghĩa của kiết. Trong này, nghĩa về ràng buộc là nghĩa của kiết, nghĩa là kiết tức là ràng buộc. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như trong kinh nói: “Tôn giả chấp Đại Tạng đi đến nơi Tôn giả Xá-lợi-tử, hỏi rằng: Thưa Đại Đức! Là mắt hệ thuộc sắc hay là sắc hệ thuộc mắt cho đến ý, pháp thì hỏi hỏi như vậy? Xá-lợi-tử nói: Mắt không thuộc sắc sắc không hệ thuộc mắt, trong

này dục tham thì nói là tự nhiên hệ thuộc cho đến ý pháp cũng lại như vậy. Như trâu đen, trâu trắng cùng nên sợi dây đất nước buộc lại, nếu có người hỏi rằng: Là trâu đen thuộc trâu trắng, hay là trâu trắng thuộc trâu đen? Cần phải thẳng thắn trả lời rằng: Trâu đen không buộc trâu trắng, trâu trắng không buộc trâu đen, trong này có sợi dây da thì nói là tự nhiên buộc lại. “Vì vậy cho nên biết kiết tức là ràng buộc.

Nghĩa về hợp với khổ là nghĩa của kiết, nghĩa là kiết của cõi dục làm cho hữu tình cõi dục kết hợp với khổ của cõi dục chứ không phải là vui, kiết của cõi sắc làm cho dục kết hợp với khổ của cõi sắc chứ không phải là vui, kiết của cõi vô sắc làm cho hữu tình cõi vô sắc kết hợp với khổ của cõi vô sắc chứ không phải là vui. Nghĩa về lẫn lộn chất độc là nghĩa của kiết, nghĩa là sự sống tuyệt diệu hơn hẳn va định hữu lậu, như vô lượng giải thoát, thẳng xứ biến xứ. Bởi xem lẫn phiền não cho nên thánh giả chán ngàn lìa xa, như thức ăn lẫn lộn chất độc, tuy là ngon lành tuyệt vời mà người trí phải tránh xa.

Như Đức thế tôn nói: “Ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ, chứng quả dự lưu, đạt được pháp không rơi rụng chắc chắn hưởng đến bồ đề, cuối cùng bảy lần trở ngại trong sinh tử, bảy, lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh trong cõi người, lưu chuyển qua lại làm thành giới hạn của khổ.

Hỏi: Như A-tỳ-đạt-ma nói: “Tám mươi tám tùy miên vĩnh viễn đoạn trừ, chứng quả dự lưu” Kinh Trì dụ nói: “Đoạn trừ vô lượng khổ, chứng quả dự lưu” Vì sao ở đây nói ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ, chứng quả dự lưu?

Đáp: Nên nói như vậy: Đây là Đức thế tôn vì chúng sinh đã giáo hóa mà có cách nói giản lược khác. Lại nữa, Đức Thế Tôn quán sát về tùy miên ý thích của hữu tình đã giáo hóa để nói đến pháp quan trọng. Ý thích nghĩa là căn thiện, tùy niên nghĩa là phiền não. Quán sát tùy miên và ý thích như vậy mà nói giản lược về pháp quan trọng để đoạn trừ phiền não cho họ, pháp đã nói phù hợp với số lượng không ít không nhiều, nói ít thì không thể nào đoạn trừ phiền não đoạn trừ phiền não cho họ, nói nhiều thì trở thành vô dụng đối với họ. Ví như vị lương y quán sát bệnh tình và nhân gây bệnh của người bệnh, lấy thuốc trao cho người bệnh, thuốc đã trao phù hợp với số lượng không ít không nhiều, ít thì không thể nào trừ được bệnh khổ của họ, nhiều cũng trở thành vô ích đối với họ. Lại nữa, pháp quan trọng đã nói có tóm lược có mở rộng tóm lược thì nghĩa là nói về ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ. Chứng quả dự lưu, mở rộng thì có nghĩa là nói về tám nói về ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ, chứng quả dự lưu, mở rộng thì có nghĩa là nói về tám mươi tám tùy

miên vĩnh viễn đoạn trừ và nói về đoạn trừ vô lượng khổ, chứng quả dự lưu. Như nói tóm lược và nói mở rộng; nói các loại không phân biệt, nói phân biệt nói tổng quát, nói tách biệt nói không có khác nhau nói có khác nhau, nói không bao trùm, nói bao trùm, nói nhanh chóng, nói dần dần, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, vì người căn tánh nhanh nhạy thì nói về ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ, chứng quả dự lưu, vì người căn tánh chậm chạp thì nói về tám tùy miên vĩnh viễn đoạn trừ và nói về đoạn trừ vô lượng khổ, chứng quả dự lưu. Như vì người căn tánh nhanh nhạy, người căn tánh chậm chạp mà nói, vì các loại như lực của nhân, lực của duyên, lực bên trong, lực bên ngoài, lực tự mình tư duy, lực người khác nói pháp, khai mở cho người trí mà nói. Vì người trí mà nói, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, vì dẫn dụ hữu tình đã giáo hóa đang còn hèn yếu, biểu hiện rõ ràng dễ thực hành, như nắm tay dẫn đi, nghĩa là người hèn yếu sợ nhiều công hạnh vì dẫn dụ họ tiến lên mà đối với nhiều lại nói về ít.

Trong này, nên nói đến thì Dự Phật, Lật-thị-tử đối với nhiều mà nghe nói là ít thì vâng lời thực hành. Nghĩa là: Có Tỳ kheo tên gọi Phật Lật-thị-tử, lúc Như Lai tại thế, xuất gia tu học Phật pháp. Lúc này, Đức Phật đã định hơn hai trăm năm mươi học xứ, vào mỗi nửa tháng về đêm, lúc nói về Giới kinh biệt giải thoát, nghe nói: Những người thiện nam tự yêu quý mình, vui với Giới học thì nên học như vậy! Liền sinh lòng yếu hèn: Ai có thể vâng lời thực hành đầy đủ đối với rất nhiều Học xứ như vậy? Thế là đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới hai chân Đức Thế Tôn mà thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Nay con không thể nào giữ gìn được rất nhiều Học xứ như vậy, con xin rút lui trở về nhà tu theo nghiệp thế tục vốn có! Đức Thế Tôn thương xót dùng lời dịu dàng trách móc mà gạt bỏ, lại khuyến khích nói cho biết rằng: Lành thay, lành thay! Nay Phật-Lật-thị-tử ông có thể tu học được ba Học xứ hay không? Đó là Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng và Tuệ học tăng thượng. Tỳ kheo ấy nghe số ít, vui mừng phấn chấn, liền thưa với Đức Phật rằng: Con có thể tu học ba Học xứ ấy.”

Lúc học ba loại Học xứ như vậy, thì trở thành đã học tất cả Học xứ. Như vậy Đức Thế Tôn nếu nói đến tám mươi tám tùy miên vĩnh viễn đoạn trừ, hoặc nói đến đoạn trừ vô lượng khổ, chứng quả Dự lưu, thì các hữu tình đã giáo hóa sẽ sinh tâm yếu hèn: Ai có thể nhỏ được tám mươi tám loại cây phiến nào to lớn này? Ai có thể vượt qua tám mươi tám dòng sông phiến nào to lớn này? Ai có thể tát cạn tám mươi

tám biến phiền não rộng lớn này? Ai có thể đập nát tám mươi tám hòn núi phiền não to lớn này? Ai có thể tu được tám mươi tám pháp đối trị với phiền não to lớn này? Bởi vì Đức Thế Tôn nói về ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ - chứng quả Dự lưu, cho nên Tỳ kheo ấy nghe nói số ít mà hoan hỷ phấn chấn, liền chịu khó tu học để đối trị ba kiết. Lúc đoạn trừ ba kiết thì các pháp do kiến mà đoạn đều được đoạn trừ vĩnh viễn, bởi vì cùng chung pháp đối trị. Lại nữa, bởi vì Đức Thế Tôn đối với vấn đề này mà nói đến sự việc thù thắng, nghĩa là trong các phiền não do kiến mà đoạn thì ba kiết là thù thắng nhất.

Vì vậy, tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Ở trong các phiền não do kiến mà đoạn thì ba kiết là thù thắng nhất, còn lại đều thuộc về ba kiết này, như bởi vì kiến chấp mà sinh khởi than-sân-mạn...”

Lại nữa, bởi vì Đức Thế Tôn đối với vấn đề này mà nói là đứng đầu, nghĩa là ba kiết này là đứng đầu các phiền não do kiến mà đoạn, như vị tướng dũng mãnh thường ở phía trước đoàn quân, dựa vào thế lực này mà các phiền não do kiến mà đoạn luôn sinh trưởng khó có thể chế phục được. Lại nữa, bởi vì Đức Thế Tôn đối với vấn đề này mà nói là công đức thù thắng và kẻ thù mạnh hơn hẳn, công đức thù thắng nghĩa là quả Dự lưu, kẻ thù mạnh hơn hẳn nghĩa là ba kiết này. Lại nữa, bởi vì Đức Thế Tôn nói đến vấn đề này mà nói về pháp chướng ngại gần của ba Tam-ma-địa, nghĩa là Hữu thân kiến thì chướng ngại gần của Không, Giới cấm thủ là chướng ngại gần của Vô nguyện, Nghi là chướng ngại gần của Vô tướng. Lại nữa, bởi vì ba kiết như vậy gần với kiến đạo mà thường xuyên hiện hành, như chương Tạp Uẩn nói: Nhãn tác ý giữ gìn kiến-nghi không hiện hành, giả sử hiện hành mà không nhận biết, bởi vì phiền não vi đế mà giác tuệ lại kém, kiến nghĩa là Hữu thân kiến và Giới cấm thủ, nghi tức là Nghi. Lại nữa, bởi vì ba kiết này khó đoạn trừ-khó phá bỏ-khó có thể vượt qua, cho nên chỉ nói đến ba kiết. Lại nữa, bởi vì ba kiết này gây ra rất nhiều sai lầm, tăng mạnh và kiên cố, cho nên chỉ nói đến ba kiết. Nghĩa là kiết Hữu thân kiến là căn bản của sáu mươi hai loại kiến chấp, các loại kiến chấp là căn bản của các phiền não khác, các phiền não khác là căn bản của nghiệp, các nghiệp là căn bản của quả dị thực, dựa vào quả dị thực mà tất cả pháp thiện-bất thiện-vô lý đều sinh trưởng; kiết Giới cấm thủ có thể phát khởi các loại khổ hạnh vô nghĩa; kiết Nghi có thể khiến cho Hữu tình về thời gian trước-nghi về thời gian sau-nghi về thời gian trước sau, ở trong lòng phân vân đây là vật gì, vật này là thế nào, cái gì là hiện có, cái gì là sẽ có, hữu tình như vậy sinh từ nơi nào đến và chết sẽ đi về nơi nào?

Lại nữa, ba kiết như vậy đã đoạn-đã biết tất cả, cho đến A-la-hán hãy còn chuyển biến tương tự, nghĩa là kiết Hữu thân kiến vào lúc khổ loại trí nhãn đã đoạn-đã biết tất cả, thì các A-la-hán hãy còn chuyển biến tương tự, dấy lên nói như vậy: Bát của mình, y của mình, bạn đồng trú của mình, đệ tử của mình, phòng ốc của mình, vật dụng tiền bạc của mình, ở trong Vô ngã mà nói là có Ngã, kiết Giới cấm thủ vào lúc Đạo loại trí nhãn đã đoạn-đã biết tất cả thì các A-la-hán hãy còn chuyển biến tương tự, như rửa tay chân, ở chốn A-luyện-nhã, chỉ cất giữ ba y, thường thực hành khát thực, cho đến thọ trì đầy đủ công đức của mười hai hạnh Đầu-đà, nói là được thanh tịnh. Đã từng nghe tôn giả Lộ-ma-thượng-kỳ-ca, tuy là A-la-hán mà tấm gọi hàng ngày cho là được thanh tịnh, loại người này rất nhiều. Kiết Nghi vào lúc Đạo loại trí nhãn đã đoạn-đã biết tất cả, nhưng các A-la-hán hãy còn chuyển biến tương tự, nghĩa là A-la-hán từ xa trông thấy vật dựng đứng thì sinh tâm phân vân: Cọc gỗ hay là con người, là nam hay là nữ? Nếu gặp hai ngã đường thì cũng hoài nghi do dự: Đây là đường thẳng hay không phải là đường thẳng? Trông thấy hai bộ y bát cũng hoài nghi do dự: là của mình có hay là của người khác có? Tất cả đều như vậy.

Lại nữa, các Sư Du-già lấy việc đoạn trừ ba kiết làm sự việc đứng đầu của sự tu tập, bởi vì cuối cùng chứng các Trạch diệt của tất cả các kiết do kiến mà đoạn. Lại nữa, các Sư Du-già lấy việc đoạn trừ ba kiết làm sự việc đứng đầu của sự tu tập, bởi vì cuối cùng hiểu rõ các Trạch diệt của tất cả các kiết do kiến mà đoạn.

Lại nữa, ba kiết như vậy là thuận phần dưới bởi vì gồm chung ba cõi; tham dục-sân nhuế tuy là thuận phần dưới mà không gồm chung ba cõi; biên chấp kiến-tà kiến-kiến thủ-mạn-vô minh... tuy gồm chung ba cõi, nhưng không phải là thuận phần dưới, cho nên không nói đoạn trừ. Lại nữa, trong bảy tùy miên mà các quả Dự lưu đã vĩnh viễn đoạn trừ, thì trong này nói đến điều ấy. Nghĩa là quả Dự lưu đã vĩnh viễn đoạn trừ hai loại trong bảy tùy miên, đó là kiến và nghi. Kiến có hai loại, đó là duyên sai biệt giữa địa mình và địa khác, trong đó đều nói đến nên loại đứng đầu. Lại nữa, ở trong chín kiết mà các quả Dự lưu đã vĩnh viễn đoạn trừ, thì trong này nói đến điều ấy. Nghĩa là quả Dự lưu đã đoạn trừ ba kiết ở trong chín kiết, đó là kiến-thủ và nghi. Vì vậy, Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Kinh này nên nói vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết-chứng quả Dự lưu, đó là kiến-thủ và nghi”.

Lại nữa, trong mười tùy miên mà các quả Dự lưu đã vĩnh viễn đoạn trừ, thì trong này nói đến điều ấy. Mười tùy miên nghĩa là năm

kiến và nghi-tham-sân-mạn-si. Dự lưu đã đoạn trừ vĩnh viễn sáu loại ở trong mười tùy miên này, đó là năm kiến và nghi. Trong này chỉ nói vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết chứ không nói là sáu, bởi vì chỉ nói đến chuyển biến, nghĩa là trong sáu loại này thì Hữu thân kiến là chuyển biến-Biên chấp kiến là tùy chuyển, Giới cấm thủ là chuyển biến-kiến thủ là tùy chuyển, Nghi là chuyển biến-Tà kiến là tùy chuyển. Đã nói đến chuyển biến thì nên biết là cũng nói về tùy chuyển, cho nên chỉ nói là vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết.

Lại nữa, bởi vì kinh này chỉ tóm lược về môn loại-tăng bậc hiện có, nghĩa là trong các phần nào do kiến mà đoạn, có loại chỉ thuộc về nên bộ, có loại gồm chung hai bộ, có loại gồm chung bốn bộ. Nếu nói hữu thân kiến, thì nên biết là nói tổng quát chỉ thuộc về nên bộ. Nếu nói giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát gồm chung hai bộ, tuy là không có tùy miên nào khác gồm chung hai bộ, nhưng Giới cấm thủ thì gọi là gồm chung hai bộ, hoặc lại nói là nó tương ứng cùng có. Nếu nói nghi, thì nên biết là nói tổng quát gồm chung bốn bộ, lại nữa, kiết do kiến mà đoạn, có loại là biến hành của giới mình, có loại là biến hành của giới khác. Nếu nói hữu thân kiến, thì nên biết là nói tổng quát về biến hành của giới mình, nếu nói giới cấm thủ và Nghi, thì nên biết là nói tổng quát về biến hành của giới khác.

Hỏi: vì sao biến hành của giới mình chỉ nói đến nên kiết, biến hành của giới khác thì nói đến hai kiết?

Đáp: Bởi vì biến hành của giới khác gồm cả duyên hữu lậu và duyên vô lậu. Nếu nói giới giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát về kiết duyên hữu lậu, nếu nói Nghi, thì nên biết là nói tổng quát về kiết duyên vô lậu. Như biến hành của giới mình và biến hành của giới khác, các biến hành của địa mình và biến hành của địa khác, nên biết cũng như vậy. Lại nữa, kiết do kiến mà đoạn, có loại là duyên hữu lậu, có loại là duyên vô lậu. Nếu nói Hữu thân kiến và giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát về kiết duyên hữu lậu, nếu nói Nghi thì nên biết là nói tổng quát về kiết duyên vô lậu.

Hỏi: Vì sao nói hai kiết duyên hữu lậu, mà kiết duyên vô lậu chỉ nói là nên?

Đáp: Kiết duyên hữu lậu có loại là duyên với giới mình-địa mình, có loại là duyên với giới khác-địa khác. Nếu nói Hữu thân kiến, thì nên biết là nói tổng quát về duyên với giới mình-địa mình, nếu nói Giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát về duyên với giới khác-địa khác. Như duyên hữu lậu và duyên vô lậu, đối với duyên hữu tranh-duyên

vô tranh-duyên thế gian-duyên xuất thế gian, duyên có vị của ái-duyên không có vị của ái, duyên dựa vào đam mê-duyên dựa vào xuất ly, duyên rơi vào giới-duyên không rơi vào giới, duyên thuận với kiết-duyên không thuận với kiết, duyên thuận với thủ-duyên không thuận với thủ, duyên thuận với triền-duyên không thuận với triền nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, kiết do kiến mà đoạn, có loại duyên hữu vi, có loại duyên vô vi, nếu nói Hữu thuận kiến và Giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát về kiết duyên hữu vi, nếu nói Nghi, thì nên biết là nói tổng quát về kiết duyên vô vi. Kiết duyên hữu vi nói là hai, thì nguyên cố như trước đã nói, nên biết. Như duyên hữu vi và duyên vô vi, đối với duyên vào thường-duyên vào vô thường, duyên hằng thường-duyên không phải hằng thường, duyên có biến dị-duyên không có biến dị, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, kiết do kiến mà đoạn, có loại là tánh thuộc kiến, có loại không phải là tánh thuộc kiến. Nếu nói hữu thân kiến và Giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát về kiến có tánh thuộc kiến, nếu nói Nghi, thì nên biết là nói tổng quát về kiến không phải là tánh thuộc kiến. Kiết có tánh thuộc kiến nói là hai, thì nguyên cố như trước đã nói, nên biết. Như tánh thuộc kiến và không phải là tánh thuộc kiến, đối với tánh nhìn xem-không phải là tánh nhìn xem, tánh suy xét tìm tòi-không phải là tánh suy xét tìm tòi, tánh thích tìm kiếm-không phải là tánh thích tìm kiếm, tánh thích quay trở lại-không phải là tánh thích quay trở lại, tánh chấp chặc-tánh không chấp chặc, tánh thường giữ lấy cảnh-tánh không thường giữ lấy cảnh, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, kiết do kiến mà đoạn, có loại là bất thiện, có loại là vô ký. Nếu nói Giới cấm thủ và Nghi, thì nên biết là nói tổng quát về các kiết bất thiện, nếu nói hữu thân kiến, thì nên biết là nói tổng quát về các kiết vô ký. Các kiết bất thiện nói là hai, thì nguyên cố như trước đã nói, nên biết. Như bất thiện và vô ký, đối với có dị thực và không có dị thực, cam hai quả-cam nên quả, tương ứng với vô tâm-vô quý, không tương ứng với vô tâm, vô quý, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, kiết do kiến mà đoạn, có loại là hành tướng vui mừng chuyển, có loại là hành tướng lo buồn chuyển. Nếu nói hữu thân kiến và giới cấm thủ, thì nên biết là nói tổng quát về hành tướng vui mừng chuyển, nếu nói Nghi, nên biết là nói tổng quát về hành tướng lo buồn chuyển. Hành tướng vui mừng chuyển nói là hai, thì nguyên cố như trước đã nói, nên biết.

Lại nữa, ba kiết như vậy làm trở ngại cho ba uẩn thanh tịnh, cho nên chỉ nói đến ba kiết. Nghĩa là Hữu thân kiết làm trở ngại cho giới uẩn thanh tịnh, có người nói: Làm trở ngại cho định uẩn thanh tịnh. Giới cấm thủ làm trở ngại cho định uẩn thanh tịnh. Có người nói: Làm trở ngại cho Giới uẩn thanh tịnh. Nghi làm trở ngại cho tuệ uẩn thanh tịnh. Như làm trở ngại cho ba uẩn thanh tịnh, đối với trở ngại cho ba học-ba tu-ba thanh tịnh, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, ba kiết như vậy làm trở ngại cho tám chi Thánh đạo, cho nên chỉ nói đến ba kiết. Nghĩa là Hữu thân kiến làm trở ngại cho chánh ngữ-chánh nghiệp-chánh mạng. Có người nói: làm trở ngại cho chánh niệm-chánh định. Giới cấm thủ làm trở ngại cho chánh niệm-chánh định, có người nói, làm trở ngại cho chánh ngữ-chánh nghiệp-chánh mạng. Nghi làm trở ngại cho chánh kiến-chánh tư duy-chánh tinh tiến. Lại nữa, muốn làm cho người nghi có được quyết định rõ ràng, cho nên nói quả dự lưu vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết. Nghĩa là thế gian nghi ngờ, người đã đạt được quả thánh mà hãy còn chấp có ngã, hãy còn chấp lành-dữ, hãy còn ôm lòng nghi hoặc. Vì vậy, Đức Thế Tôn nói: Vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết này-chứng quả dự lưu bởi vì quả dự lưu là quả thánh đầu tiên.

Hỏi: Vì lần đầu đắc đạo cho nên gọi là dự lưu, hay là lần đầu đắc quả cho nên gọi là dự lưu? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm, bởi vì nếu lần đầu đắc đạo cho nên gọi là dự lưu, thì thánh thứ tám phải gọi là dự lưu, thánh thứ tám thì gọi Tùy tín hành và tùy theo pháp hành, thuận theo số hơn hẳn là thứ tám, bởi vì thánh thứ tám đắc đạo vô lậu lần đầu tiên, nếu lần đầu đắc quả cho nên gọi là dự lưu, thì người lìa nhiễm dục gấp bội và người hoàn toàn lìa nhiễm dục, tiến vào chánh tánh hy sinh đến phân vị đạo loại trí phải gọi là dự lưu, bởi vì lúc bấy giờ chứng được quả đầu tiên trong bốn quả thánh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Bởi vì lần đầu đắc đạo cho nên gọi là dự lưu.

Hỏi: Thánh giả thứ tám nên gọi là dự lưu chăng?

Đáp: Nếu lần đầu đắc đạo có đủ duyên của Đạo trí thì mới gọi là dự lưu, Thánh giả thứ tám tuy lần đầu đắc đạo mà chưa đầy đủ được duyên của đạo trí, cho nên không gọi là dự lưu. Lại nữa nếu lần đầu đắc đạo là đạo do tu đạo-quả đạo của đạo loại trí thâm nhiếp, thì mới gọi là dự lưu, Thánh giả thứ tám thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc đạo có đủ ba duyên thì mới gọi là dự lưu:

1. Xả bỏ đạo đã đạt được.

2. Đạt được đạo chưa đạt được.

3. Đạt được nên vị đoạn trừ được kiết.

Xả bỏ đạo đã đạt được, nghĩa là xả bỏ kiến đạo. Đạt được đạo chưa đạt được, nghĩa là đạt được tu đạo. Đạt được nên vị đoạn trừ được kiết, nghĩa là đạt được nên vị đoạn trừ kiết do kiến mà đoạn thuộc ba cõi. Thánh thứ tám thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc đạo có đủ năm duyên, thì mới gọi là dự lưu:

1. Xả bỏ đạo đã đạt được.

2. Đạt được đạo chưa đạt được.

3. Đạt được nên vị đoạn trừ được kiết.

4. Nhanh chóng đạt được tám trí.

5. Trong nên lúc tu mười sáu hành tướng, thánh thứ tám thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc đạo đã đoạn trừ tất cả kiết do kiến mà đoạn, không còn phiền não-hoặc kiến-tà chánh do Nhẫn mà đoạn, thì mới gọi là dự lưu. Thánh thứ tám thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc đạo mà có thể còn sinh tử, thì mới gọi là dự lưu. Thánh thứ tám thì không như vậy, có sự khác biệt nói: Bởi vì lần đầu đắc đạo quả cho nên gọi là dự lưu.

Hỏi: Người lìa nhiễm dục gấp bội và người hoàn toàn lìa nhiễm dục, tiến vào chánh tánh ly sinh đến phân vi đạo loại trí phải gọi là dự lưu chăng?

Đáp: Nếu lần đầu đắc quả, là dần dần chứ không phải là vượt qua, thì mới gọi là dự lưu, còn lại thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc quả, chứng được giải thoát thứ nhất, là lần đầu đạt được vượt qua, trú trong quả thứ nhất, thì mới gọi là dự lưu, còn lại thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc quả, trước kia chưa dùng đạo thế tục để chứng đoạn sáu phẩm pháp của cõi dục, hoặc là đoạn chín phẩm mà đắc quả thì mới gọi là dự lưu, còn lại thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc quả, là quả đầu tiên trong bốn quả, thì mới gọi là dự lưu, còn lại thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc quả, là quả đầu tiên trong bốn hương-bốn quả, thì mới gọi là dự lưu, còn lại thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc quả, là quả đầu tiên trong bốn cặp tám lễ (tứ song bát chích) của Bồ-đặc-già-la, thì mới gọi là dự lưu, còn lại thì không như vậy. Lại nữa, nếu lần đầu đắc quả, địa-đạo đều chắc chắn, thì mới gọi là dự lưu, nghĩa là quả Nhất lai thì địa tuy nhất định mà đạo không nhất định, bởi vì đạo hữu lậu-vô lậu đều có thể đạt được, quả Bất hoàn thì địa và đạo đều không nhất định, bởi vì dựa vào đạo hữu lậu-vô lậu của sáu địa đều có thể đạt được, quả A-la-hán thì đạo tuy nhất định mà

địa không nhất định, bởi vì dựa vào chín địa đều có thể đạt được, quả dự lưu thì địa và đạo đều nhất định, bởi vì chỉ dựa vào vị trí chí định mà đạt được đạo vô lậu. Lại có người nói: không vì lần đầu đắc đạo mà gọi là dự lưu, cũng không vì lần đầu đắc quả mà gọi là dự lưu, nhưng bởi vì thành tự quả dự lưu cho nên gọi là dự lưu, vì tên gọi của Bồ-đặc-già-la là dựa vào pháp mà lập ra, như bơ-dầu-bình-thuốc-nước...

Hỏi: Vì nghĩa gì mà gọi là dự lưu?

Đáp: Lưu nghĩa là Thánh đạo, Dự nghĩa là bước vào, người ấy bước vào Thánh đạo cho nên gọi là dự lưu.

Hỏi: Nhất lai-bất hoàn và A-la-hán cũng bước vào Thánh đạo, phải gọi là dự lưu hay sao?

Đáp: Nếu dựa vào nghĩa này thì cũng không ngăn cản nên gọi ấy, nhưng quả dự lưu là đầu tiên cho nên nhận lấy tên gọi ấy, những quả khác dựa vào đức riêng biệt cho nên lại thiết lập tên gọi khác.

Hỏi: Nhất lai- Bất hoàn và A-la-hán cũng được pháp không đọa, tại sao chỉ nói là quả dự lưu đạt được pháp không đọa?

Đáp: Cũng cần phải nói những quả khác mà không nói đến, thì nên biết kinh này là có cách nói khác. Lại nữa, các quả đều có nghĩa hơn hẳn và nghĩa hiển bày, nghĩa là quả dự lưu hơn hẳn về pháp không đọa, hiển bày về pháp không đọa, cho nên nói là không đọa, bởi vì không rơi vào nẻo ác, quả Nhất lai hơn hẳn về pháp Nhất lai, hiển bày về pháp nhất lai, cho nên nói là nhất lai, bởi vì chỉ có nên lần qua lại sinh tử, quả bất hoàn hơn hẳn về pháp bất hoàn, hiển bày về pháp bất hoàn, cho nên nói là bất hoàn, bởi vì không trở lại cõi dục, quả A-la-hán hơn hẳn về pháp vô sinh, hiển bày về pháp vô sinh, cho nên nói là vô sinh, bởi vì không nhận lấy thân đời sau. Vì vậy, chỉ riêng quả dự lưu nói là không đọa.

Hỏi: Dự sinh cũng có đạt được pháp không đọa, vì sao ở đây không nói đến dự sinh?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết nghĩa này có khác. Lại nữa, bởi vì dự sinh là không nhất định, nghĩa là các dự sinh đối với pháp không đọa có người đạt được-có người không đạt được, những người dự lưu thì nhất định đạt được pháp không đọa, cho nên chỉ nói đến dự lưu.

Định nghĩa là trú trong chánh định tu, những người dự lưu nhất định nhập Niết-bàn cho nên nói là định, bởi vì duyên đã biến đổi, giống như đồ vật chưa nung, từ trên ba tầng gác cao ném xuống đất, trong thời gian chưa đến mặt đất, tuy nói là chưa vỡ nát, mà chắc chắn sẽ vỡ nát,

cho nên cũng gọi là võ nát.

Hướng đến Bồ-đề thì tận trí - vô sinh trí gọi là Bồ-đề. Lúc ấy đối với Bồ-đề phát nguyện-vui thích có thể chịu được, cung kính-tôn trọng-yêu quý-ham muốn tùy thuận hướng đến, sắp đến gọi là hướng về.

Cuối cùng bảy lần trở lại trong sinh tử, nghĩa là chỉ nhận lấy bảy lần sinh tử.

Hỏi: Cần phải nói là mười bốn hữu, hoặc là hai mươi tám hữu, nếu ở đây chỉ dựa vào hữu vốn có mà nói, thì phải nói là mười bốn hữu, bởi vì trong loài người, trên cõi trời đều có bảy hữu, nếu dựa vào hữu trong hữu vốn có mà nói, thì phải là hai mươi tám hữu, bởi vì trời-người đều có mười bốn hữu, đó là bảy bản hữu và bảy trung hữu tại sao chỉ nói là cuối cùng bảy lần trở lại trong sinh tử?

Đáp: Như vậy có bảy lần, không vượt qua bảy, cho nên nói là cao nhất bảy lần trở lại trong sinh tử, nghĩa là trời và người thì bản hữu, trung hữu đều có bảy.

Như kinh khác nói: “Đức Phật chuyển pháp luân, bốn đế ba lần chuyển là mười hai hành tướng” không phải là chỉ có ba lần chuyển mười hai hành tướng, mà nên nói là hai lần chuyển-bốn mươi tám hành tướng, nghĩa là đối với bốn đế đều có ba lần chuyển, mười hai hành tướng, cho nên nói như vậy.

Kinh khác cũng nói: “Có bảy xứ thiện và ba nghĩa quán, nhanh chóng ở trong Tỳ-nại-da Thánh pháp, có năng lực trừ hết các lậu”. Không nên nói là chỉ có bảy xứ thiện, điều ấy phải nói là có ba mươi lăm xứ thiện, hoặc là vô lượng xứ thiện. Bởi vì không vượt qua bảy cho nên đưa ra cách nói như vậy, nghĩa là đối với năm uẩn, hoặc là đối với pháp khác, mỗi nên loại đều có bảy xứ thiện, ở đây cũng như vậy.

Lại kinh khác nói: “Này Tỳ kheo! Nay ta sẽ nói về hai pháp, hai có nghĩa là nhẫn và sắc, cho đến ý và pháp”. Kinh ấy không phải là nói về hai, mà phải nói là có mười hai, bởi vì không vượt qua hai cho nên nói là hai pháp, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao dự lưu chỉ trải qua bảy lần lưu chuyển qua lại trong sinh tử chứ không thêm-không bớt.

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Hoặc là thêm hay bớt cũng đều sinh ra nghi ngờ, chỉ nhận chịu bảy lần trở lại trong sinh tử, bởi vì không trái với pháp tướng cho nên không cần phải vặn hỏi”.

Lại nữa, nhân dị thực ấy chỉ có như vậy mà cảm thấy quả dị thực theo thể lực hiện có. Lại nữa, vì nghiệp lực ấy cho nên có thể nhận lấy bảy lần sinh tử, vì lực của thánh đạo cho nên không đến lần thứ tám,

như đi bảy bước mà bị rắn độc cắn, vì sức của đại chủng cho nên có thể đi bảy bước, vì thế lực của chất độc cho nên không đến bước thứ tám. Lại nữa, nếu nhận lấy lần sinh tử, thì đời thứ tám kia sẽ không có thánh đạo, thánh đạo là pháp vốn như vậy không dựa vào thân thứ tám của cõi dục, đời thứ tám kia nếu không có thánh đạo, thì thuận theo thấy đế rồi trở lại không thấy đế, đạt được thánh quả rồi trở lại không đạt được quả, tiến vào hiện quán rồi trở lại không hiện quán, thành thánh giả rồi trở lại làm dị sinh, đừng phát sinh sai lầm này, cho nên chỉ có bảy lần sinh tử. Lại nữa, nếu nhận lấy tám lần sinh tử thì vượt qua ba đời, vượt qua pháp Tỳ-nại-da của hàng hà sa Ứng Chánh Đẳng Giác, thì không phải là quyến thuộc bên trong của Như lai, như vượt qua bảy dòng họ thì không gọi là ruột thịt. Lại nữa, lúc nhẫn Tăng Thượng đã trừ bỏ bảy lần sinh trong loài trời-người của cõi dục, ở cõi sắc-vô sắc còn nên lần sinh khác, đạt được phi trạch diệt đối với những lần sinh còn lại, nếu pháp đã đạt được phi trạch diệt thì chắc chắn không hiện rõ trước mắt, cho nên chỉ có bảy lần sinh tử. Lại nữa, dự lưu có nghĩa thọ sinh đối với bảy xứ trên-dưới của cõi tục, bảy xứ nghĩa là cõi người và sáu cõi trời thuộc cõi dục, qua lại ở trong ấy bởi vì trời, người ngăn cách nhau cho nên nhận lấy bảy lần sinh tử. Lại nữa, bởi vì chín phẩm phiền não của cõi dục có thế lực sai biệt, cho nên dự lưu nhận lấy bảy lần sinh tử. Lại nữa, dự lưu đối với bảy lần sinh tử tu bảy giác chi được viên mãn, cho nên chỉ nhận lấy bảy lần sinh tử. Lại nữa, dự lưu đối với bảy lần sinh tử tu bảy Y định-bảy loại Thánh đạo được viên mãn, cho nên chỉ nhận lấy bảy lần sinh tử. Lại nữa, dự lưu đối với bảy lần sinh tử tu đạo có thể đối trị bảy loại tùy miên được viên mãn, cho nên chỉ nhận lấy bảy lần sinh tử không thêm, không bớt.

Bảy lần sinh lên cõi trời-bảy lần sinh trong loài người, đây là dựa theo dự lưu viên mãn mà nói. Quả báo (hữu) của trời-người đều nhận lấy bảy lần sinh tử, nhưng có lúc dự lưu sinh trong trời-người khác nhau, nghĩa là có lúc trời bảy-người sáu, có lúc người bảy-trời sáu, có lúc trời sáu-người năm, có lúc người sáu-trời năm, có lúc trời năm-người bốn, có lúc người năm-trời bốn, có lúc trời bốn, người ba, có lúc người bốn-trời ba, có lúc trời ba-người hai, có lúc người ba-trời hai, có lúc trời hai-người nên, có lúc người hai-trời nên. Trong này, tạm thời nói đến nhiều đời nhất, cho nên nói dự lưu ở trong người-trời đều bảy lần sinh tử.

Hỏi: Dự lưu viên mãn thì đầy đủ bảy ở nơi nào, là ở trên cõi trời hay là ở trong loài người mà nhận lấy sinh tử lần thứ bảy để nhập Niết-bàn?

Đáp: trong này có người nói: Nếu dựa vào đời này đạt được quả dự lưu, thì nói đời này tiến vào số bảy lần sinh tử. Người ấy đưa ra cách nói này: nếu trong loài người đạt được quả thì trên cõi trời đầy đủ bảy lần mà nhập Niết-bàn, nếu trên cõi trời đạt được quả thì trong loài người đầy đủ bảy lần mà nhập Niết-bàn. Có người đưa ra cách nói này: Nếu dựa vào đời này đạt được quả dự lưu, thì không nói đời này tiến vào số bảy lần sinh tử. Người ấy đưa ra cách nói này: Nếu trong loài người đạt được quả thì trở lại trong loài người đầy đủ bảy lần mà nhập Niết-Bàn. Nên biết rằng trong này, cách nói thứ nhất là phi lý, bởi vì trung hữu sinh ra đạt được quả hoàn toàn là dị sinh thân nhiếp, vậy thì dự lưu chỉ nên nói là nhận lấy hai mươi bảy hữu, mà luận thi thiết nói: “Người dự lưu bởi vì lưu chuyển qua lại trong hai mươi tám hữu làm thành giới hạn của khổ”. Vì vậy không nên nói là lần đầu đắc quả sinh ra thì tiến vào số bảy lần sinh tử.

Hỏi: Nhận lấy bảy lần sinh tử thì trong sáu đời trước phát khởi thánh đạo, hay không?

Đáp: Có người nói: không phát khởi, nếu đáng phát khởi thì phải nhập Niết-bàn.

Có người nói: Cũng phát khởi, bởi vì nghiệp lực duy trì cho nên không nhập Niết-bàn.

Hỏi: Nếu đầy đủ bảy lần sinh tử mà không có Phật xuất thế, thì người tại gia ấy đạt được A-la-hán hay không?

Đáp: Có người nói: Không đạt được, người ấy cần phải xuất gia, tiếp nhận pháp phục khác, thì đạt được A-la-hán. Có người nói: Người tại gia ấy đạt được A-la-hán rồi, về sau cần phải xuất gia tiếp nhận pháp phục khác. Nói như vậy thì người ấy theo pháp vốn như thế mà trở thành tướng của đệ tử Phật thì mới đạt được quả cao nhất, như năm trăm vị tiên nhân ở trong núi Y-sư-ca tu đạo, vốn là Thanh văn trong thời kỳ không có Phật xuất hiện, vượt khổ vì họ mà hiện bày tướng của đệ tử Phật, họ đều học theo mà chứng quả độc giác, chứ không có ai học theo và không tiếp nhận tướng của ngoại đạo.

Lưu chuyển qua lại thì tuổi thọ trên cõi trời hết mà sinh tử trong loài người, tuổi thọ trong loài người hết thì sinh lên trên cõi trời, như người vừa giàu sang dạo chơi ngắm nhìn trong vườn cây đẹp đẽ. Lưu, nghĩa là trung hữu, chuyển, nghĩa là bản hữu, làm thành giới hạn của khổ là nghĩa về chứng được giới hạn của khổ.

Hỏi: Giới hạn của khổ này là ở trong khổ, hay ở ngoài khổ? Nếu ở trong khổ thì đúng ra không phải là giới hạn, nếu ở ngoài khổ thì

dụ hiện có giữa thế gian phải không hiểu thế nào? Như chiếc thẻ bằng vàng của thế gian thì phần đầu giữa và sau, không có gì không phải là vàng ròng, giới hạn của khổ cũng phải là khổ.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này, giới hạn của khổ, nghĩa là ở trong khổ, chính là thể các uẩn cuối cùng của A-la-hán, tuy là khổ mà không phải là nhân của khổ sau, không sinh ra khổ sau, khổ sau không nối tiếp, gọi là giới hạn của khổ. Có sư khác nói: Giới hạn của khổ, nghĩa là ở ngoài khổ, tức là Niết-bàn, bởi vì vĩnh viễn rời khỏi khổ cho nên gọi là giới hạn của khổ. Thí dụ, hiện có giữa thế gian không cần phải không hiểu, không phải là ba tạng thâm nhiếp cho nên không cần phải giải thích, bởi vì lý của pháp thế gian và pháp Thánh đều khác biệt.

